ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA HKI (ngày 28/11/2020)

MÔN : ĐỊA K11

**Câu 1. Hãy trình bày đặc điểm của khu vực Tây Nam Á (**2đ)

- Có 20 quốc gia. Diện tích: Khoảng 7 triệu km­2.

- Dân số: Gần 323 triệu người.(năm 2005)

- Vị trí địa lí: Nằm ở Tây Nam châu Á, nơi tiếp giáp 3 châu lục: Á, Âu, Phi;

án ngữ trên kênh đào Xuy ê là đường hằng hải quốc tế quan trọng từ Á sang Âu..

- Ý nghĩa: Có vị trí chiến lược về kinh tế, giao thông, quân sự.

- Đặc trưng về điều kiện tự nhiên: Khí hậu khô, nóng, nhiều núi, cao nguyên và hoang mạc.

- Tài nguyên, khoáng sản: Giàu dầu mỏ nhất thế giới: 50% trử lượng dầu mỏ thế giới (tập trung quanh vịnh Pec-xich )

- Đặc điểm xã hội nổi bật:

+ cái nôi của nền văn minh nhân loại.

+ Phần lớn dân cư theo đạo Hồi. nhưng bị chia rẽ thành nhiều giáo phái => những phần tử cực đoan gây mất ổn định khu vực.

**Câu 2. Cho biết vai trò cung cấp dầu mỏ của 2 khu vực Tây Nam Á (1đ)**

– Trữ lượng dầu mỏ lớn, Tây Nam Á chiếm 50% thế giới

=> nguồn cung chính cho thế giới => trở thành nơi cạnh tranh ảnh hưởng của nhiều cường quốc.

-Nhiều tổ chức tôn giáo, chính trị cực đoan tăng cường hoạt động,

=> gây nên tình trạng mất ổn định =>Nguyên nhân sâu xa là nguồn dầu mỏ và vị trí địa – chính trị quan trọng của khu vực

🠲Ảnh hưởng đến giá dầu và sự phát triển kinh tế của thế giới.

**Câu 3: Nêu điều kiện tự nhiên của Hoa Kì ( lãnh thổ ở trung tâm Bắc Mĩ: chỉ nêu vùng phía Tây và vùng phía Đông)(2đ)**

*a. Vùng phía Tây:(1đ)*

– Địa hình :  vùng núi trẻ Coocdie, các dãy núi trẻ cao trên 2000m, chạy song song hướng Bắc – Nam, xen giữa là các bồn địa và cao nguyên ( có khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc )

- Khí hậu: Khô hạn ở cao nguyên và bồn địa ; tính hải dương ở đồng bằng ven biển, phân hóa phức tạp.

- Ven Thái Bình Dương có các đồng bằng nhỏ, đất tốt, khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới hải dương

- Tài nguyên: Giàu khoáng sản kim loại màu, kim loại hiếm, tài nguyên rừng, than đá, thủy năng, đất đồng bằng phì nhiêu.

*b. Vùng phía Đông:(1đ)*

- Gồm dãy núi già A-pa-lat, với nhiều thung lũng cắt ngang, các đồng bằng ven Đại Tây Dương, đất đai phì nhiêu

- Khí hậu: mang tính ôn đới hải dương ở phía Bắc, Cận nhiệt đới ở phía Nam

- Tài nguyên: Quặng sắt, than đá trử lượng lớn. Tiềm năng thủy điện lớn.

**Câu 4: Trình bày đặc điểm của các ngành công nghiệp của Hoa Kì(2đ)**

Công nghiệp là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.

– Tỉ trọng trong GDP có xu hướng giảm

– Sản xuất công nghiệp gồm 3 nhóm ngành:

            + Công nghiệp chế biến (chiếm 84% giá trị hàng xuất khẩu).

            + Công nghiệp điện: đa dạng từ nhiệt điện đến điện nguyên tử, thủy điện, điện địa nhiệt, điện từ gió, điện mặt trời.

            + Công nghiệp khai khoáng: đứng đầu thế giới về khai khoáng phốt phát và môlipđen.

– Cơ cấu giá trị sản lượng giữa các ngành công nghiệp có sự thay đổi:

+ Giảm tỉ trọng các ngành truyền thống

+ tăng tỷ trọng các ngành hiện đại: hàng không – vũ trụ, điện tử.

– Phân bố:

            + Trước đây: tập trung ở Đông Bắc với các ngành truyền thống.

            + Hiện nay: mở rộng xuống phía nam và Thái Bình Dương với các ngành hiện đại.

**Câu 5: cho biết thành phần dân cư của Hoa Kì và sự ảnh hưởng đến KTXH ( 2đ)**

Thành phần dân cư đa dạng:

            + Có nguồn gốc chủ yếu từ châu Âu.(77,1%)

            + Gốc châu Á (5,6%) và Mĩ Latinh đang tăng mạnh.

            + Dân Anhđiêng (người bản địa 1,2%)

 + đa chủng tộc (con lai 2,6%)

 + người da đen (13,3%)

=>+ Tạo nên nền văn hóa phong phú, thuận lợi cho phát triển du lịch, tính năng động của dân cư.

 + Việc quản lí xã hội gặp rất nhiều khó khăn.

 + sự chênh lệch giữa người giàu và người nghèo còn rất lớn

 + nạn phân biệt chủng tộc

**Câu 6: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (1đ)**

Tỉ trọng các ngành trong GDP của Hoa Kì

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngành | Năm 1960 | Năm 2003 |
| Dịch vụ | 62,1 | 76,5 |
| Công nghiệp | 33,9 | 22,3 |
| Nông nghiệp | 4,0 | 1,2 |

Nhận xét bảng số liệu trên

\*từ năm 1960 đến 2003 : cơ cấu kinh tê của Hoa Kì có sự chuyển dịch

- tỉ trọng dịch vụ tăng (62,1% - 76,5%)

- tỉ trọng công nghiệp giảm ( 33,9% - 22,3%)

- tỉ trọng nông nghiệp giảm ( 4% - 1,2%)

- dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất trên 50%